TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2024/KDTM-ST
Ngày 20-9-2024
Về "*T/c Hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Kim Thương**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Ngọc Lương**;

Bà **Nguyễn Thị Luyến**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Khánh Duy**- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tố Ly**- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2024/TLST- KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2024 về tranh chấp "*Hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST- KDTM ngày 29 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V, địa chỉ: H L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Nhật L- Cán bộ xử lý nợ, (*Văn bản ủy quyền số 028/2024/UQ-LCC- KHDNMB1 ngày 24/4/2024*); có mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH MTV Đ; địa chỉ: khu phố F, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Hồng M- Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hồng M, địa chỉ: Thôn D, xã V, huyện V, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 01 năm 2024, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây

gọi tắt Ngân hàng) trình bày: Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đ (*sau đây gọi tắt là Công ty Đ*) ký kết với Ngân hàng Hợp đồng vay hạn mức thấu chi tài khoản số QTI/22230 ngày 26/10/2022 để vay số tiền 500.000.000 đồng, thời gian duy trì hạn mức 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng; mục đích bổ sung vốn kinh doanh; Lãi suất vay trong hạn 18,2%/ năm; lãi suất cho vay quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Biện pháp bảo đảm tiền vay: Bà Nguyễn Thị Hồng M bảo lãnh tiền vay theo hợp đồng bảo lãnh số QTI/22230/HĐBL ngày 26/10/2022, bên bảo lãnh đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp và tất cả các nghĩa vụ khác của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng Hợp đồng vay hạn mức thấu chi tài khoản số QTI/22230 ngày 26/10/2022.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng theo quy định tại hợp đồng từ ngày 06/6/2023. Tạm tính đến ngày 10/9/2024, nợ gốc 499.595.107 đồng; lãi trong hạn 1.245.566 đồng; lãi quá hạn 173.009.101 đồng và lãi phạt 22.104.085 đồng. Tổng cộng 695.953.859 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng rút phần lãi phạt 21.946.086 đồng và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền trên và lãi phát sinh từ ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng M có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty Đ theo các hợp đồng bảo lãnh mà bên bảo lãnh đã ký với Ngân hàng. Trường hợp Công ty Đ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị Hồng M để thu hồi khoản nợ vay.

Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà thụ lý, giải quyết đã tống đạt, niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng M. Tại Công văn số 977/PA08(Đ1) ngày 18/6/2024, Phòng Q Công an tỉnh Q trả lời yêu cầu xác minh, bà Nguyễn Thị Hồng M đã xuất cảnh vào ngày 16/7/2023, chưa có thông tin nhập cảnh.

Ngày 21/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị để giải quyết theo thẩm quyền.

Bị đơn Công ty Đ và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng M không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/8/202 4, ông Nguyễn Hồng N là anh trai của bà Nguyễn Thị Hồng M trình bày: Sau khi ly hôn với ông Lê Đức B, bà M đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, ông N không có địa chỉ của bà M tại Đài Loan nhưng bà M vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại hoặc qua mạng xã hội. Ông N cam kết nhận các Văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho bà M và cam kết thông tin kịp thời nội dung cho bà M được biết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo trình tự về thủ tục tố tụng theo quy định; tại phiên toà Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự; người tham gia tố tụng nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng M chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:* Căn cứ Điều 30, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí :

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) buộc bị đơn Công ty TNHH MTV Đ phải trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1) đến ngày 10/9/2024 với tổng số tiền 674.007.773 đồng (trong đó gốc còn phải trả: 499.595.107 đồng; lãi trong hạn: 1.245.566 đồng; lãi quá hạn 173.009.101 đồng, lãi phạt 157.999 đồng). Trường hợp bị đơn không trả hoặc không trả hết nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng M trả nợ thay.

+ Đình chỉ phần rút yêu cầu phần lãi phạt.

+ Về án phí: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí KDTM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty Đ trả khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng, cả hai tổ chức đều có đăng ký kinh doanh, có mục đích lợi nhuận, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan, căn cứ quy định khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự xác định tranh chấp *"Hợp đồng tín dụng*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

[1.2] Vắng mặt của đương sự: Bị đơn Công ty Đ và bà Nguyễn Thị Hồng M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu số tiền gốc 500.000.000 đồng, thấy rằng Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số QTI/22230 ngày 26/10/2022 đã được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Hồng M, chức vụ Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Đ với Ngân hàng, tài khoản được sử dụng để nhận và sử dụng vốn vay thấu chi: tài khoản thanh toán số 269101948 của khách hàng mở tại bên Ngân hàng; số tiền vay 500.000.000 đồng; mục đích bổ sung vốn kinh doanh xây dựng nhà không để ở. Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi: 12 tháng tính từ ngày ký hợp đồng và khách hàng có thể rút vốn vay nhiều lần. Lãi suất cho vay trong hạn là 18,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Ngày 06/6/2023, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nợ gốc 499.595.107 đồng còn lại chưa thanh toán, do đó nguyên đơn yêu cầu trả số tiền gốc còn lại là có căn cứ.

[2.2] Về tiền lãi:

+ Lãi suất trong hạn 18,2%/ năm: Căn cứ Bảng tính lãi do Ngân hàng cung cấp, lãi trong hạn từ ngày 01/6/2023 đến ngày 05/6/2023 (*số ngày tính lãi 05 ngày*) với số tiền lãi trong hạn 1.245.566 đồng, có căn cứ chấp nhận.

+ Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (18,2%) là 27,3%: Tính từ ngày 06/6/2023 đến ngày 10/9/2024 là 463 ngày, cụ thể 499.595.107 đồng x 27,3% x 463 ngày là 173.009.101 đồng, có căn cứ chấp nhận.

+ Lãi chậm trả (lãi phạt) bằng 10%/năm lãi suất quá hạn 27,3%: Tính từ ngày 06/6/2023 đến ngày 10/9/2024, với lãi suất 10% với số tiền là 22.104.085 đồng.

Thấy rằng: Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 quy định: "*Theo quy định Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận xử lý đối với hành vi không trả nợ đúng hạn của bên vay thì Tòa án xem xét, quyết định theo nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn*".

Ngân hàng tính khoản lãi phạt trên số tiền lãi quá hạn với số tiền 22.104.085 đồng là tính lãi chồng lãi, do đó, chấp nhận lãi phạt áp dụng cho số tiền lãi trong hạn, cụ thể 1.245.566 x 10% x 463/365= 157.999 đồng;

Khoản lãi phạt 21.946.086 đồng, Ngân hàng rút yêu cầu, do đó đình chỉ phần rút yêu cầu này của Ngân hàng.

Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là 674.007.773 đồng.

* Xét yêu cầu của Ngân hàng buộc người bảo lãnh là bà Nguyễn Thị Hồng M thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trong trường hợp Công ty Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì thấy: Hợp đồng bảo lãnh số QTI/22230/HĐBL ngày 26/10/2022 giữa Ngân hàng với bà Nguyễn Thị Hồng M được ký kết gồm: Bên bảo lãnh là Nguyễn Thị Hồng M; bên được bảo lãnh là Công ty Đ và bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng. Bên bảo lãnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, phạt… của bên bảo lãnh đối với bên Ngân hàng phát sinh từ Văn kiện tín dụng theo Hợp đồng cho vay hạn mức thấu chi tài khoản số QTI/22230 ngày 26/10/2022. Xét Hợp đồng bảo lãnh thể hiện ý chí của bà Nguyễn Thị Hồng M hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu của Ngân hàng là phù hợp quy định tại Điều 335, 336 và Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Từ phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử chấp thuận quan điểm của Viện kiể sát nhân dân tỉnh Q, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Công ty Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 674.007.773 đồng là 30.960.000 đồng (20.000.000 đồng + 4% của 274.007.773 đồng); Ngân hàng không phải chịu án phí phần rút yêu cầu khoản lãi phạt quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 335, Điều 336 và Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

1.1. Buộc Công ty TNHH MTV Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 674.007.773 (*sáu trăm bảy tư triệu, không trăm lẻ bảy ngàn, bảy trăm bảy ba*) đồng, trong đó tiền gốc 499.595.107 đồng và lãi 174.412.666 đồng theo Hợp đồng vay hạn mức thấu chi tài khoản số QTI/22230 ngày 26/10/2022.

Kể từ ngày 11/9/2024, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đ phải tiếp tục trả lãi đối với khoản nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

1.2. Về nghĩa vụ bảo lãnh:

- Trường hợp Công ty TNHH MTV Đ không trả hoặc trả không đầy đủ số nợ nêu trên thì bà Nguyễn Thị Hồng M phải thực hiện nghĩa vụ (bảo lãnh) liên đới trả nợ thay cho Công ty TNHH MTV Đ đối với số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP V theo Hợp đồng vay hạn mức thấu chi tài khoản số QTI/22230 ngày 26/10/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số QTI/22230/HĐBL ngày 26/10/2022.

- Trường hợp Công ty TNHH MTV Đ và bà Nguyễn Thị Hồng M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mãi tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị Hồng M để thu hồi khoản nợ vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng vay hạn mức thấu chi tài khoản số QTI/22230 ngày 26/10/2022 và Hợp đồng bảo lãnh số QTI/22230/HĐBL ngày 26/10/2022.

1.3. Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần V buộc Công ty TNHH MTV Đ trả khoản lãi phạt 21.946.086 đồng.

2. Về án phí:

+ Buộc Công ty TNHH MTV Đ phải chịu 30.960.000 (*ba mươi triệu, chín trăm sáu mươi ngàn*) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

+ Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền đã nộp 13.686.297 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0000281 ngày 17/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Phòng KTNV;
- Tổ HCTP;
- Lưu: Tòa, H/s.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Kim Thương